

Bản án số: 52/2025/KDTM-ST

Ngày: 26/8/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2025/TLST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐHPT-ST ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V

Trụ sở: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Trường A

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1

Trụ sở: 135/84 H, phường H, (trước đây là Phường A, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp: 0317091415

Đại diện theo pháp luật của Công ty:

Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988

Căn cước số 079188031162

Địa chỉ: 1 H, phường H (trước đây Phường A, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị Thùy H1, sinh năm 1988.
Căn cước số: 079188007312
Địa chỉ: C Đ, phường B, (trước đây là Phường D, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Trường A - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) và Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng V1) ký hợp đồng theo Hợp đồng cho vay số CLC-5788-01 ngày 09/10/2023, vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng; Mục đích sử dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt.

Công ty T1 đã vay vốn tại Ngân hàng V1 với tổng số tiền nhận nợ là 500.000.000 đồng theo các khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ số 230424-13288177-ONL-2 ngày 23/04/2024, số tiền vay 278.695.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 14.3%/năm. Lãi suất được cố định trong suốt thời hạn cho vay theo Khế ước nhận nợ.

Khế ước nhận nợ số 240424-13288177-ONL-3 ngày 24/04/2024, số tiền vay 221.305.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 14.3%/năm. Lãi suất được cố định trong suốt thời hạn cho vay theo khế ước nhận nợ.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ngân hàng V1 và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm như sau:

Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của bà Nguyễn Thị Thùy H1 theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-11389/23/SME/BLCN-01 ngày 09/10/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V1 đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty T1 để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty T1 cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, ngày 16/10/2024, Ngân hàng V1 đã chuyển toàn bộ khoản nợ của Công ty T1 sang nợ quá hạn.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty T1 trả nợ ngay cho Ngân hàng V1 số tiền còn thiếu tạm tính đến hết ngày 26/8/2025 là 539.699.086 đồng, trong đó nợ gốc là 449.999.896 đồng, nợ lãi là 89.699.190 đồng.

Công ty T1 tiếp tục trả lãi suất kể từ ngày 27/8/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V1.

Trường hợp Công ty T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì bà Nguyễn Thị Thùy H1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty T1 theo các hợp đồng đã ký với Ngân hàng V1.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện uỷ quyền của Ngân hàng V1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Công ty T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng cho vay số CLC-5788-01 ngày 09/10/2023, Khế ước nhận nợ số 230424-13288177-ONL-2 ngày 23/04/2024 và Khế ước nhận nợ số 240424-13288177-ONL-3 ngày 24/04/2024 giữa Công ty T1 và Ngân hàng V1. Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-11389/23/SME/BLCN-01 ngày 09/10/2023 giữa bà Nguyễn Thị Thùy H1 và Ngân hàng V1 việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trường hợp Công ty T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì bà Nguyễn Thị Thùy H1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty T1 theo các hợp đồng đã ký với Ngân hàng V1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V1 yêu cầu bị đơn Công ty T1 trả số tiền nợ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn là Công ty T1 có địa chỉ trụ sở tại phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm

a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025; Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.1] Xét, Giấy ủy quyền số 203/2025/UQN-PGD ngày 10/02/2025 của Ngân hàng V1 ủy quyền cho ông Nguyễn Trường A tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, bị đơn Công ty T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn và bà Nguyễn Thị Thùy H1 vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa và không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng cho vay và các phụ lục kèm theo Hợp đồng số CLC-5788-01 ngày 09/10/2023, Khế ước nhận nợ số 230424-13288177-ONL-2 ngày 23/04/2024 và khế ước nhận nợ số 240424-13288177-ONL-3 ngày 24/04/2024 giữa Công ty T1 và Ngân hàng V1. Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-11389/23/SME/BLCN-01 ngày 09/10/2023 giữa bà Nguyễn Thị Thùy H1 và Ngân hàng V1 được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng cho vay số CLC-5788-01 ngày 09/10/2023, Khế ước nhận nợ số 230424-13288177-ONL-2 ngày 23/04/2024 và khế ước nhận nợ số 240424-13288177-ONL-3 ngày 24/04/2024 giữa Công ty T1 và Ngân hàng V1 có cơ sở xác định Công ty T1 đã được Ngân hàng V2 giải ngân số tiền 500.000.000 đồng. Đối chiếu bản sao kê do ngân hàng cung cấp cho thấy, từ ngày giải ngân đến ngày 26/8/2025, Công ty T1 đã trả nợ gốc là 50.000.104 đồng. Từ ngày 16/10/2024 đến nay, Công ty T1 không thanh toán số tiền nợ gốc, mặc dù đã được Ngân hàng V1 nhiều lần thông báo nhắc nợ. Như vậy, tính đến ngày 26/8/2025 Công ty T1 còn nợ gốc số tiền là 449.999.896 đồng. Do Công ty T1 đã vi phạm thỏa thuận quy định về trách nhiệm thanh toán tại khoản 10 Điều 1 của Hợp đồng cho vay số CLC-5788-01 ngày 09/10/2023, điểm a khoản 6 của Điều 1 Khế ước nhận nợ số 230424-13288177-ONL-2 ngày 23/04/2024 và Khế ước nhận nợ số 240424-13288177-ONL-3 ngày 24/04/2024 nên Ngân hàng V1 yêu cầu Công ty T1 trả ngay số tiền nợ gốc 449.999.896 đồng, là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Căn cứ khoản 10 Điều 1 của Hợp đồng cho vay số CLC-5788-01 ngày 09/10/2023, Khoản 5 và điểm b khoản 6 của Điều 1 Khế ước nhận nợ số 230424-13288177-ONL-2 ngày 23/04/2024 và Khế ước nhận nợ số 240424-13288177-ONL-3 ngày 24/04/2024 quy định ‘*Lãi suất 14.30%/năm (Lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày) sẽ được cố định suốt thời gian cho vay theo Khế ước nhận nợ; Khách hàng phải trả tiền lãi cho bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15 (kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên là 15/5/2024*’ và bản tự khai, bảng kê tính lãi của Ngân hàng V1 cung cấp thể hiện Công ty T1 đã trả số tiền lãi là 28.636.640 đồng, kể từ đó đến nay Công ty T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng áp dụng lãi quá hạn là 21.45% theo quy định “150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng*”. Xét thấy, đến kỳ hạn trả nợ nhưng Công ty T1 không trả nợ nên Ngân hàng V1 đã chuyển toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định về chuyển nợ quá hạn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và thực hiện nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 89.699.190 đồng, trong đó tiền lãi 89.202.666 đồng và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ 496.524 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 27/8/2025 cho đến khi Công ty T1 thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cho vay số CLC-5788-01 ngày 09/10/2023, Khế ước nhận nợ số 230424-13288177-ONL-2 ngày 23/04/2024 và Khế ước nhận nợ số 240424-13288177-ONL-3 ngày 24/04/2024 giữa Ngân hàng V1 và Công ty T1.

[3] Xét, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy H1 trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ:

Căn cứ Điều 335, 336 và 342 của Bộ luật Dân sự; Điều 2,3 của Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-11389/23/SME/BLCN-01 ngày 09/10/2023 giữa bà Nguyễn Thị Thùy H1 và Ngân hàng V1 quy định trường hợp bên được bảo lãnh là Công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn thì người bảo lãnh phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh. Xét thấy, kể từ ngày giải ngân đến nay Công ty T1 thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ đối với Ngân hàng V1 đã làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy H1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho Ngân hàng V1 đối với khoản nợ của Công

ty T1 bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm cá nhân của bà H1 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ Điều 335, 336, 342 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 có trách nhiệm trả nợ ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 539.699.086 (Năm trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 449.999.896 (Bốn trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng), nợ lãi là 89.202.666 (T mươi chín triệu, hai trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ 496.524 (Bốn trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm hai mươi bốn đồng).

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 27/8/2025 cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cho vay số CLC-5788-01 ngày 09/10/2023, Khế ước nhận nợ số 230424-13288177-ONL-2 ngày 23/04/2024 và Khế ước nhận nợ số 240424-13288177-ONL-3 ngày 24/04/2024 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

1.2 Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy H1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-11389/23/SME/BLCN-01 ngày 09/10/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V với bà Nguyễn Thị Thùy H1.

2. Về án phí dân sự về kinh doanh thương mại là 25.587.963 (Hai mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm sáu mươi ba đồng), Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.607.496 (Mười một triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền số 0075415 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Phương Lan